

Bản án số: 41/2024/DS-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Trường;
- Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 1 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐ-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T1; Địa chỉ trụ sở: Tầng A và tầng 23, tòa nhà Trung tâm thương mại S, số C T, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông OH TAEJOON, Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông CHUNG HOO KYUNG - Chức danh: Giám đốc Khối Chiến lược và Kế hoạch theo Giấy ủy quyền số 29/2023/GUQ-TGD do Ông Oh T, Tổng Giám đốc và Đại diện theo pháp luật ký ngày 01 tháng 09 năm 2023.

Bên được ủy quyền lại:

Công ty L; Địa chỉ trụ sở: Số C, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện pháp luật: Ông Phan Đăng H, chức vụ giám đốc.

Người được ủy quyền lại: Ông **Hoàng Văn V**, sinh năm 1989; địa chỉ liên hệ: **E H, Phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**.

Bị đơn: ông **Tôn Đức Ngọc H1**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: **F N, phường T (Phường F cũ), thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt; trong đó, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **Hoàng Văn V** có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **Hoàng Văn V** trình bày:*

Công ty T1 (Sau đây gọi tắt là Công ty) và ông **Tôn Đức Ngọc H1** đã ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số:10810322 ngày 13-06-2016 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng). Theo đó, Công ty cho ông **Tôn Đức Ngọc H1** vay số tiền là: 84.000.000 đồng (bằng chữ: Tám mươi bốn triệu đồng), Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Loại hình vay: Tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo); Lãi suất (tính theo dư nợ giảm dần): 35.5%/năm; Thời hạn vay: 48 tháng, trong đó: Ngày thanh toán đầu tiên/Khoản thanh toán đầu tiên (kỳ thứ 01) là: 2.636.500 đồng, khoản thanh toán hàng tháng (từ kỳ thứ 02 đến kỳ thứ 47) số tiền là: 3.299.100 đồng, khoản thanh toán cuối cùng (kỳ thứ 48) số tiền thanh toán là: 3.295.400 đồng; Phương thức trả nợ gốc và lãi: 01 tháng 01 lần vào ngày 05 hàng tháng. Chi tiết được liệt kê tại Bảng kế hoạch thanh toán kèm theo Hợp đồng tín dụng.

Vào ngày 13-06-2016, Công ty đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản số tiền vay kể trên vào tài khoản của ông **Tôn Đức Ngọc H1** theo các thông tin được thể hiện trên Phiếu yêu cầu giải ngân.

Căn cứ các quy định của Hợp đồng, ông **Tôn Đức Ngọc H1** có nghĩa vụ phải thanh toán đúng tiến độ, thời hạn, đầy đủ số tiền theo Bảng kế hoạch thanh toán kèm theo Hợp đồng đã ký. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông **Tôn Đức Ngọc H1** chỉ thanh toán cho Công ty số tiền là: 39.271.075 đồng (bằng chữ: Ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi một ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng) theo lịch sử thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 05-07-2016 đến ngày 18-08-2017. Sau ngày 18-08-2017 đến nay, ông **Tôn Đức Ngọc H1** không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ, tạo điều kiện thanh toán nhưng ông **Tôn Đức Ngọc H1** luôn lảng tránh nghĩa vụ thanh toán.

Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Ông **Tôn Đức Ngọc H1** phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn và các khoản phí phát sinh do nợ quá hạn tính đến hết ngày 25-4-2024 là 412.602.917 đồng trong đó nợ gốc là 72.519.125 đồng, nợ lãi trong hạn là

46.289.600đồng và lãi quá hạn, các khoản phát sinh là 293.794.192đồng. Ngoài ra, ông **Tôn Đức Ngọc H1** tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng trên dư nợ gốc kể từ ngày 25-4-2024 đến khi hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông **Tôn Đức Ngọc H1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét chứng cứ có trong vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Công ty T1** có đơn khởi kiện yêu cầu ông **Tôn Đức Ngọc H1** thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký kết. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông **Tôn Đức Ngọc H1** có nơi cư trú tại **thành phố V** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn **Công ty T1**, bị đơn ông **Tôn Đức Ngọc H1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Căn cứ Phiếu đề nghị vay tiêu dùng cá nhân và hợp đồng; đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác định bị đơn ông **Tôn Đức Ngọc H1** cư trú tại: **F N, phường T (Phường F cũ), thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn theo địa chỉ trên, nhưng bị đơn không có ý kiến và chứng cứ nộp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn.

Xét ý kiến nguyên đơn, hợp đồng đã giao kết thấy rằng: hợp đồng được Công ty và ông **H1** ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký kết.

Xét hợp đồng, Bản điều khoản cơ bản hợp đồng tín dụng cá nhân kèm phụ lục, Phiếu yêu cầu giải ngân, Sao kê chi tiết các giao dịch tài khoản vay đến hết ngày 18-8-2017, bản tự khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Công ty và ông **H1** đã ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10810322 ngày 13-06-2016. Công ty đã giải ngân số tiền vay cho ông **H1** bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 0081001219437 do ông **H1** làm chủ tài khoản. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **H1** đã thanh toán cho Công ty số tiền 39.271.075đồng và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng đã ký kết kể từ sau ngày 18-8-2017 đến nay.

Do ông **H1** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty khởi kiện yêu cầu ông **H1** thanh toán số tiền 412.602.917đồng trong đó nợ gốc là 72.519.125đồng, nợ lãi trong hạn là 46.289.600đồng; lãi quá hạn, các khoản phát sinh là 293.794.192đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng trên dư nợ gốc kể từ ngày 25-4-2024 đến khi hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **H1** có trách nhiệm trả nợ cho Công ty nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Công ty không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1.
2. Buộc ông Tôn Đức Ngọc H1 có trách nhiệm trả cho Công ty T1 số tiền 412.602.917đồng (bốn trăm mười hai triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn, chín trăm mười bảy đồng), bao gồm: 72.519.125đồng (bảy mươi hai triệu, năm trăm mười chín nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng) tiền gốc, 46.289.600đồng (bốn mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm đồng) tiền lãi trong hạn; 293.794.192đồng (hai trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi hai đồng) tiền lãi quá hạn, các khoản phát sinh (tính đến hết ngày 25-4-2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25-4-2024), ông H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cá nhân số:10810322 ngày 13-06-2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tôn Đức Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 20.504.117đồng (hai mươi triệu, một trăm mười bốn nghìn, một trăm mười bảy đồng).

Công ty T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty T1 số tiền 9.300.000đồng (chín triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002246 ngày 25-01-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trà My